

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:09/2021/HSST

Ngày 14/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn.

Ông Nguyễn Quốc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Hải là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2020/HSST ngày 23 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/HSST-QĐ ngày 24/12/2020 đối với các bị cáo:

- Bị Cáo Nguyễn Văn T - Sinh năm 1984 tại xã VT, huyện VL, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn PL, xã VT, huyện VL, tỉnh Thanh Hóa, nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị H; vợ: Nguyễn Thị A; con: Có 03 con lớn 13 tuổi nhỏ 04 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị tạm giữ ngày 06/6/2019 đến ngày 15/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt phiên tòa.

- Bị cáo Nguyễn Văn N - Sinh năm 1974 tại xã MS, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn MC 1, xã MS, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; con ông Nguyễn Văn T, con bà Nguyễn Thị L; vợ: Lê Thị T; con: Có 02 con lớn 22 tuổi, nhỏ 14 tuổi; tiền sự: không; tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt phiên tòa.

- Bị cáo Lê Văn L - Sinh năm 1989 tại xã Minh S, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn MT, xã MS, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Buôn bán, trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Hồng Q, con bà Nguyễn Thị H; vợ: Phạm Thị N; con: Có 01 con 02 tuổi; tiền sự; tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

* Người bị hại:

- Anh Trần Như T – Sinh năm 1987. Trú tại: Thôn 7, xã NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Minh T – Sinh năm 1975. Trú tại: Làng BS, xã KT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt).

* Người làm chứng:

- Anh Trịnh Đình H - Sinh năm 1964 và anh Tống Văn B – Sinh năm 1964. Đều trú tại: Thôn MT, xã NS, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

- Chị Hoàng Thị H – Sinh năm 1999, chị Lê Thị T – Sinh năm 1978 và anh Bùi Ngọc T – Sinh năm 1983. Đều trú tại: Thôn MC 1, xã MS, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

- Nguyễn Hữu T – Sinh năm 1976. Trú tại: Thôn 8, xã NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

- Chị Lê Thị H – Sinh năm 1975. Trú tại: Thôn 7, xã TV, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 05/8/2018 Nguyễn Văn T đến nhà Hoàng Minh B, ở thôn 7, xã TV, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa chơi. Đến buổi chiều cùng ngày T và B rủ nhau đi huyện NL để trộm cắp chó, trước khi đi B chuẩn bị dụng cụ trộm chó là 01 (một) cây thông lọng tự chế, cán cây được quấn bằng cao su màu đen, toàn bộ thân cây được quấn bằng băng dính màu đen, thông lọng được kết nối với dây điện và phích cắm điện. Khi đi đến huyện NL thì T và B đến ở nhà Nguyễn Văn N ở thôn Minh Châu 1, xã Minh S, huyện NL để chơi, T và B không nói ý định đi trộm cắp chó của T và B cho Nghị biết.

Khoảng 23 giờ ngày 06/8/2018 T điều khiển xe mô tô gắn biển kiểm soát 36L1 – 5681 (là biển kiểm soát của xe khác) chở B đi trộm cắp chó, đến đoạn đường Hồ Chí Minh thuộc làng Ba Si, xã Kiên Thọ, huyện NL thì phát hiện một con chó đực, màu lông vàng của gia đình anh Nguyễn Minh T, ở Làng BS, xã KT, huyện NL đang ở ngoài đường, T điều khiển xe áp sát vị trí con chó đang đứng còn B ngồi sau dùng thông lọng luồn vào cổ bắt trộm con chó bỏ vào bì. Nguyễn Văn T khai nhận do con chó nói trên bị chết nên khoảng 0 giờ 30 phút ngày 07/8/2018 T và B bán cho Nguyễn Văn N với số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) chưa lấy tiền. Tuy nhiên quá trình điều tra Nguyễn Văn N không thừa nhận đã mua chó bằng bất kỳ hình thức nào của T và B vào ngày 07/8/2018. Cơ quan Điều tra không thu được vật chứng, chưa có căn cứ để xử lý đối với hành vi của Nghị.

Nguyễn Văn T tiếp tục điều khiển xe mô tô gắn BKS: 36L1 – 5681 chở B đi trộm cắp chó tại khu vực các xã NT, xã NL, huyện NL, đi đến đoạn đường liên xã thuộc thôn 9, xã NL, huyện NL T và B phát hiện một con chó đực màu lông đen vàng của gia đình anh Lê Như T đang ở ngoài đường, T điều khiển xe mô tô áp sát vị trí con chó còn B ngồi phía sau dùng thông lọng bắt trộm con chó rồi đi về

hướng xã NS, huyện NL, đi được khoảng 01 km thì T và B dừng xe lại để bỏ con chó vừa trộm cắp được vào bì, cùng lúc đó anh T điều khiển xe ô tô bán tải BKS: 36C – 248.02 trên xe có anh Nguyễn Hữu T đuổi theo T và B. Phát hiện bị truy đuổi nên T lên mô tô gắn BKS: 36L1 – 5681 điều khiển chở B tiếp tục đi trên đường liên xã theo hướng xã NL đi xã NS, khi đến địa phận thôn MT, xã NS, huyện NL, B dùng súng tự chế hướng về phía xe ô tô của anh T bắn một phát chỉ thiên khiến anh T giật mình điều khiển xe ô tô va chạm với xe mô tô T đang điều khiển. Sau va chạm T đứng dậy thấy B bất tỉnh ở phía đầu xe ô tô, T liền dựng xe máy đứng dậy rồi chạy về phía B dùng tay để ép lồng ngực sơ cứu cho B lúc đó anh T và anh T xuống xe và người dân xung quanh chạy đến, T lấy khẩu súng tự chế và đạn bên trong người B ra bắn một phát về phía ô tô bán tải trúng vào đuôi trái của anh T, thấy mình bị thương anh T lùi lại. Sau đó lại tiếp tục có một nhóm người khác chạy ở trong làng ra, nên T tiếp tục lắp viên đạn thứ hai bắn chỉ thiên lên trời thì mọi người xung quanh lùi lại, T lắp viên đạn thứ ba bắn lên trời nhưng đạn không nổ, nên đã vứt lại súng, T dìu B lên xe bỏ chạy theo hướng về nhà Nguyễn Văn N. Đến nhà Nghị, T nhờ Nghị gọi xe để đưa B đi cấp cứu, Nghị đã gọi cho Lê Văn L điều khiển xe ô tô đến nhà Nghị. Sau đó T và Nghị đưa B lên xe ô tô của L và L điều khiển xe để đưa B đi cấp cứu. Khi xe ô tô do L đi qua khu vực Cầu Lai, xã MS, NL thì B chết. Biết B chết, Nguyễn Văn T kể lại việc đi trộm chó bị người dân phát hiện dùng xe ô tô truy đuổi, tông từ phía sau gây tai nạn làm B ngã bị thương dẫn đến chết cho L và Nghị nghe, đồng thời nói với L đưa B về nhà ở thôn 7, xã TV, huyện TT (*nay là thôn 7, thị trấn VD, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa*). Khi đến nhà B, T và anh Nghị đưa B vào nhà còn anh L ở lại xe. Tại đây T đã kể lại toàn bộ nội dung sự việc cho chị Lê Thị H (là vợ B) và chị Hoàng Thị H (là con B) biết về việc B bị chết, lúc này Nguyễn Văn N cũng ở lại và nghe lại toàn bộ sự việc T kể lại. Nghe xong sự việc T kể lại, thì N cũng ra xe và cùng L về nhà tại huyện NL. Đến ngày 06/6/2019 Nguyễn Văn T đến Công an huyện NL đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp xe mô tô có đặc điểm: Màu sơn: Đỏ - đen; Số máy: 5C6H109123; Số khung: RLCS5C6H0FY109126; Nhãn hiệu: YAMAHA; Số loại: Sirius.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-ĐGTS ngày 16/9/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa kết luận 01 (một) con chó đực lai béc, màu lông vàng, trọng lượng 30 kg tại thời điểm có giá trị 1.800.000 đồng (*một triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kết luận định giá tài sản số 12/KL-ĐGTS ngày 10/6/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa kết luận 01 (một) con chó đực màu lông vàng, trọng lượng 10 kg có giá trị 650.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 312/2019/TTPY kết luận: Tại thời điểm giám định pháp y về thương tích tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Trần Như T được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 16% (*mười sáu phần trăm*).

Tại bản kết luận giám định số 1713/PC09 ngày 23/8/2018 phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- 01 (một) khẩu súng tự chế bằng kim loại dài 49cm, không có số kí hiệu là súng tự chế bắn loại đạn ghém (đạn ria) cỡ 12. Hiện tại khẩu súng còn sử dụng bắn được và có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng.

- 01 (một) khẩu súng tự chế bằng kim loại màu xám đen dài 29cm, không có số kí hiệu là súng tự chế bắn loại đạn ghém (đạn ria) cỡ 32. Hiện tại khẩu súng còn sử dụng bắn được và có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng.

- 01 (một) viên đạn bằng kim loại màu vàng, hình trụ tròn, dài 6,9 cm, đường kính ngoài 20,3/mm phần đầu viên đạn có chất màu đỏ (dạng sáp nến), đít viên đạn có số kí hiệu “12” và có vết tỳ núng kim loại là đạn tự chế kiểu đạn ghém (đạn ria) cỡ 12 – lắp vừa khẩu súng tự chế bắn loại đạn ghém (đạn ria) cỡ 12.

- 06 (sáu) mẫu kim loại màu xám, không rõ hình, kích thước các mẫu không đều nhau, mẫu lớn nhất có kích thước (6,7x6,6x3,6) mm mẫu nhỏ nhất có kích thước (3,3x2,4x0,8) mm là các mẫu kim loại thường được nhồi đóng trong đạn ghém (đạn ria). Không đủ cơ sở kết luận 06 (sáu) mẫu kim loại trong vụ trên gửi đến giám định do khẩu súng nào bắn ra.

Ngày 10/10/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện TT, tỉnh Thanh Hóa có Quyết định chuyển tin báo số 02/PC-CSĐT đối với vụ chết chưa rõ nguyên nhân tử thi là Hoàng Minh B ở thôn 7, xã TV, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa đến Công an huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ kết luận giám định số 3981/C09-TT3 ngày 30/8/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và kết luận giám định số 2001/SH-PC45 ngày 31/10/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, mẫu gen thu giữ tại răng tử thi Hoàng Minh B và mẫu máu thu giữ trên mũ bảo hiểm, mẫu máu thu giữ tại hiện trường trùng khớp với nhau.

Về vật chứng vụ án gồm: 01 (một) biển kiểm soát 36L1 – 5681; 01 (một) cây thông dài 113cm; Các mảnh vỡ dạng nhựa; mẫu máu là mẫu vật còn lại sau giám định chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL chờ xử lý theo quy định pháp luật.

Xe mô tô có đặc điểm: Màu sơn: Đỏ-đen; Số máy: 5C6H109123; Số khung: RLCS5C6H0FY109126; Nhãn hiệu: YAMAHA; Số loại: Sirius; Xe không gắn BKS; là phương tiện mà T và B sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra chị Lê Thị Hằng (vợ B) khẳng định chiếc xe trên bản thân và gia đình từ trước đến nay không có, xe mô tô trên chủ sở hữu hợp pháp là Bùi Văn V, sinh năm 1992 ở thôn 2 LS, xã TK, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên anh V đã chết vào năm 2017. Chưa đủ tài liệu chứng cứ xác định chủ sở hữu đối với xe mô tô có đặc điểm nêu trên cơ quan cảnh sát điều tra tách ra để xử lý sau và tiếp tạm giữ tại kho vật chứng Công an huyện NL.

Đối với 01 (một) khẩu súng (tự chế) bằng kim loại dài 29cm, 01 (một) khẩu súng (tự chế) bằng kim loại dài 49cm; 01 (một) viên đạn của súng tự chế màu đồng tiếp tục lưu giữ tại kho vật chứng Công an huyện NL chờ xử lý theo quy định pháp luật.

01 (một) con chó đực, màu đen lông vàng, trọng lượng 30 kg. Quá trình điều tra đã trả lại cho người bị hại Trần Như T.

Biên kiểm soát 36L1 – 5681 quá trình điều tra xác định BKS trên là của xe mô tô nhãn hiệu: HOASUNG; Màu sơn; Xanh; Loại xe: Hai bánh từ 50 – 175cm³; Số máy: 152FMH00099407; Số khung: DCH0C4UM099407 của ông Phạm Hồng T ở Bản C, xã TX, huyện QH, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên ông T đã bán xe mô tô trên cho anh Hà Mạnh H ở Khu 1, TT. QH, huyện QH tỉnh Thanh Hóa. Anh H tiếp tục bán xe mô tô trên cho một người khách đi đường không nhớ rõ địa chỉ. Vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện NL không đủ căn cứ để xác định xe mô tô trên và BKS của xe mô tô trên có bị mất hay không, nên tách để tiếp tục điều tra và xử lý sau.

Đối với 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen, dạng mũ trùm đầu; 01 (một) chiếc giày nhãn hiệu ASIA màu trắng, đen xác định là của Hoàng Minh B nên đã trả lại cho Lê Thị H (vợ của B).

Đối với con chó trộm cắp tại làng BS, xã KT không thu giữ được.

Về phần dân sự: Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại Trần Như T số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Bồi thường cho bị hại Nguyễn Minh T số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Anh T và anh T không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Hành vi “Sử dụng vũ khí có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng” của Nguyễn Văn T. Công an huyện NL đã ra quyết định xử phạt hành chính theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 10 Nghị định số 167/2013/NĐ-Cp ngày 12/11/2013 của Chính Phủ bằng hình thức phạt tiền.

Quá trình điều tra có đủ căn cứ xác định vào đêm ngày 6/8/2018 rạng sáng ngày 7/8/2018 Hoàng Minh B cùng Nguyễn Văn T đi trộm cắp chó. Hành vi của B đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên sau khi thực hiện hành vi phạm tội B đã chết trên đường đi cấp cứu. Công an huyện NL không xử lý đối với hành vi của Hoàng Minh B.

Quá trình điều tra xác định mặc dù được nghe Nguyễn Văn T kể lại việc Đối với hành vi của anh Trần Như T, quá trình điều tra xác định: Sau khi phát hiện chó của gia đình bị bắt trộm anh T điều khiển xe ô tô bán tải BKS: 36C – 248.02 cùng với anh Nguyễn Hữu T đuổi theo B và T. Bị truy đuổi B ngồi sau xe mô tô dùng súng bắn về phía xe ô tô của anh T nhưng không trúng, làm anh T giật mình mất lái điều khiển xe ô tô va chạm vào xe mô tô của T và B, dẫn đến B tử vong sau đó. Anh T không có lỗi, nên không xem xét xử lý đối với hành vi của anh T.

Bản cáo trạng số 32 ngày 20/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện NL đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 và tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm đ khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố Nguyễn Văn N, Lê Văn L về tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung bản

cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s và t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 đối với tội “Cố ý gây thương tích” và điểm đ khoản 2 Điều 173, các điểm b, s, r và t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Điều 54 đối với tội “Trộm cắp tài sản) đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án tù từ 24 đến 27 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và từ 18 đến 21 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù từ 42 đến 48 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 390 các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với Nguyễn Văn N và Lê Văn L. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N và Lê Văn L từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo N và L. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng và thực hiện quyền, nghĩa vụ của Điều tra viên và Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật, không có trường hợp nào bị khiếu nại, hoặc bị tố cáo phải giải quyết.

[2]. Về căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với các bị cáo: Lờn nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung bản cáo trạng đã nêu, đủ cơ sở kết luận: Đêm ngày 6/8/2018 rạng sáng ngày 7/8/2018 Hoàng Minh B cùng Nguyễn Văn T đi trộm cắp chó, giá trị tài sản trộm cắp là 2.450.000đ, khi bị phát hiện Nguyễn Văn T đã có hành vi sử dụng súng tự chế bắn vào chân của anh Trần Như T nhằm mục đích tẩu thoát, đã gây tổn thương cơ thể của anh T với tỷ lệ là 16%. Hành vi của Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm đ khoản 2 Điều 173 và tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nguyễn Văn T đã kể lại toàn bộ sự việc cho Nguyễn Văn N và Lê Văn L biết về việc T và B trộm cắp tài sản và sử dụng súng tự chế gây thương tích cho anh Trần Như T. Nguyễn Văn N và Lê Văn L biết rõ hành vi của Nguyễn Văn T và Hoàng Minh B phạm tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Hành hung để tẩu thoát, nhưng N và L không tố giác tội phạm. Hành vi của Nguyễn Văn N và Lê Văn L đã phạm vào tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện NL truy tố các bị cáo là

đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đối với Hoàng Minh B đã bị chết Cơ quan Công an không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất vai trò và mức độ phạm tội của các bị cáo trong vụ án: Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân và xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của anh T. Hành vi của bị cáo N và L đã xâm phạm là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định về hoạt động đúng đắn của các cơ quan tổ tụng làm cho các hoạt động tố tụng trở nên không bình thường, ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Để giữ nghiêm pháp luật và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung, phải lên cho các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của từng bị cáo gây ra. Bị cáo T và Hoàng Minh B phạm tội không có sự phân công cấu kết chặt chẽ với nhau, bị cáo N và bị cáo L cũng không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, nên trường hợp phạm tội của các bị cáo, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, mà mang tính chất đồng phạm giản đơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên bị cáo Nghị là người được bị cáo T kể lại cho nghe hai lần, nên mức án của bị cáo N sẽ cao hơn bị cáo L là phù hợp với quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo T quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, sau khi bị phát hiện bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú khai báo hành vi phạm tội trộm cắp con chó tại xã Ngọc liên và gây thương tích cho anh Trần Như T và tự khai ra hành vi trộm cắp con chó tại làng bs, xã KT, huyện NL mà không ai biết, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo đã cung cấp cung cấp thông tin cho cơ quan Công an phát hiện tội phạm và được Thủ trưởng cơ quan điều tra cơ quan Công an huyện xác nhận. Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s và t khoản 1, khoản 2 Điều 51 đối với tội “Cố ý gây thương tích” và các điểm b, s, r và t khoản 1, khoản 2 Điều 51 đối với tội trộm cắp tài sản, để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Đối với tội “Trộm cắp tài sản giá trị tài sản trộm cắp có 2.450.000đ, bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51, nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Bị cáo phạm hai tội, nên áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của hai bản án và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo Nguyễn Văn N và Lê Văn L, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo N và bị cáo L có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, các bị cáo sống bằng nghề buôn bán thu nhập không ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo N và L là phù hợp.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Văn T lao động tự do thu nhập không ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung đối với tội “Trộm cắp tài sản” cho bị cáo là phù hợp.

[6]. Về phần dân sự: Người bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên công nhận bị cáo đã thực hiện xong phần bồi thường.

[7]. Về vật chứng:

Đối với cây thông dài 113cm, các mảnh vỡ dạng nhựa, mẫu máu là mẫu vật còn lại sau giám định giá trị sử dụng không còn, nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô và biển kiểm soát 36L1 – 5681,T và B sử dụng để đi trộm cắp tài sản, chưa đủ tài liệu chứng cứ xác định chủ sở hữu cơ quan cảnh sát điều tra tách ra để xử lý sau và tiếp tạm giữ tại kho vật chứng Công an huyện NL là phù hợp.

Đối với 02 khẩu súng (tự chế) và 01 (một) viên đạn của súng tự chế màu đồng là vật cấm sử dụng và lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy. Đối với con chó trộm cắp tại xã Ngọc Liên, công an đã trả lại cho bị hại Trần Như T là phù hợp.

Đối với 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen, dạng mũ trùm đầu; 01 (một) chiếc giày nhãn hiệu ASIA màu trắng, đen xác định là của Hoàng Minh B, cơ quan Công an đã trả lại cho Lê Thị H (vợ của B) là phù hợp.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo Nguyễn Văn N và Lê Văn L phạm tội “Không tố giác tội phạm”

Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 Điều 173, các điểm b, s, r và t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s và t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt là 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án và được trừ đi 09 ngày bị tạm giữ từ ngày 06/6/2019 đến ngày 15/6/2019.

Miễn hình phạt bổ sung đối với tội “Trộm cắp tài sản” cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ vào:Khoản 1 Điều 390, điểm i và s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với Nguyễn Văn N và Lê Văn L.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ và xử phạt bị cáo Lê Văn L 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã MS, huyện NL nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian thi hành án cải tạo cho bị cáo Nguyễn Văn N và Lê Văn L. Giao bị cáo Nguyễn Văn N và Lê Văn L cho Ủy ban nhân dân xã MS, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện xong trách nhiệm bồi thường.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cây thông dài 113cm, các mảnh vỡ dạng nhựa, mẫu máu là mẫu vật còn lại sau giám định theo phiếu nhập kho số: NK 2020/001 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

- Tịch thu tiêu hủy 02 (Hai) khẩu súng (Tự chế) và 01 (một) viên đạn của súng tự chế màu đồng, đang lưu giữ tại kho vật chứng Công an huyện NL, theo phiếu nhập kho vật chứng số 07A/PNK ngày 13/3/2020 của Công an huyện NL. Hội đồng xét xử sẽ làm văn bản yêu cầu Cơ quan Công an huyện NL, chuyển vật chứng đến Cơ quan Công an tỉnh Thanh Hóa, tiêu hủy theo quy định pháp luật, đồng thời thông báo kết quả thi hành án về việc tiêu hủy vật chứng cho Tòa án nhân dân huyện NL, để lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với xe mô tô và biển kiểm soát 36L1-5681 tiếp tục tạm giữ tại kho vật chứng của Công an huyện NL, chờ xử lý sau khi xác định được chủ sở hữu.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N và Lê Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/01/2021. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện NL;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện NL;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Công an huyện NL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

